

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày 26-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Xuân Cương.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLST-HS ngày 29/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 12/11/2020 đối với:

1. Bị cáo: Đàng Văn N; Sinh năm 1997; nơi sinh: huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàng Văn T, sinh năm 1972 và con bà Lý Thị M, sinh năm 1971; có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: 01 tiền án ngày 12/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; nhân thân: Không.

Bị bắt: ngày 08/9/2020; tạm giam: ngày 14/9/2020 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị hại: Vương Văn T; Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn B, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

- Anh: Nguyễn Đức Q; Sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

- Anh: Ma Văn V; Sinh ngày 23/4/2003; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật cho Ma Văn V: Ông Ma Văn C; sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

4. Người làm chứng

- Anh: Nguyễn Văn A; sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

- Anh: Trịnh Văn Q; sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tập thể UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ ngày 08/9/2020 Vương Văn T cán bộ thuộc Phòng khám đa khoa xã Đ báo tin về việc bị mất trộm 01 chiếc điện thoại đang cắm sạc tại phòng bàn làm việc của mình, Quá trình tìm kiếm chiếc điện thoại phát hiện 01 đối tượng vừa mua bơm kim tiêm có biểu hiện nghi vấn, anh T đã nhờ Trịnh Văn Q gọi điện vào máy điện thoại của mình, thấy đối tượng đi ra góc khu nhà tập thể vứt chiếc điện thoại vừa lấy trộm xuống đường dân sinh và chạy lên xe mô tô, xe máy do 01 người khác đang đứng đợi ở dưới đường theo hướng đi sang huyện N, tỉnh Tuyên Quang, anh T đi xuống đường nhặt chiếc điện thoại của mình đồng thời gọi điện báo Công an xã Đ, huyện B và cùng người dân truy đuổi, khi đi đến địa phận thôn P, xã Đ đối tượng đi vào nhà anh Nguyễn Văn A trú tại thôn P, xã Đ lẩn trốn thì bắt quả tang. Qua kiểm tra đối tượng khai là Đàng Văn N là người trộm cắp điện thoại, người đi cùng đèo N là Nguyễn Đức Q; Sinh năm 1999 cùng trú tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Công an xã Đ đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng ngày đã bàn giao đối tượng cùng tang vật cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Đàng Văn N khai nhận: Do nghiện ma túy nên N đã nảy sinh ý định đi sang huyện B, tỉnh Hà Giang để tìm mua ma túy, khoảng 8 giờ sáng ngày 08/9/2020 tại thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, Đàng Văn N gặp Ma Văn V, sinh năm 2003, trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang để hỏi mượn chiếc xe mô tô, xe máy BKS: 22N1-01287 nhãn hiệu HONDA WAVES, màu xanh-đen - bạc (*khi mượn xe N không nói cho V biết đi mua ma túy chỉ bảo mượn một lúc rồi trả*) và được V đồng ý, sau khi có được xe mô tô, xe máy N điều khiển đi đến nhà Nguyễn Đức Q sinh năm 1999 trú tại thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang mục đích rủ Q đi mua ma túy cùng (*Q cũng là người nghiện ma túy*) được Q đồng ý sau đó N đưa cho Q số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để mua ma túy, Q điều khiển xe mô tô, xe máy N ngồi phía sau đi theo đường Quốc lộ 280 hướng sang huyện B, tỉnh Hà Giang, đến 11 giờ cùng ngày N và Q đi đến địa phận xã Đ, huyện B, Q dừng xe lại và đi

bộ theo đường bê tông hướng xuống ta luy âm và gặp một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ hỏi mua ma túy và được người đàn ông bán cho 01 tép ma túy (Heroin) với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy Q đưa cho N số ma túy trên nhưng do không có bơm kim tiêm để sử dụng, Q điều khiển xe mô tô, xe máy ra trung tâm xã Đ tìm mua bơm kim tiêm, đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày đến khu vực Phòng khám đa khoa khu vực xã Đ dừng xe và bảo N đi mua bơm kim tiêm, N đồng ý và đi bộ lên khu vực phòng khám thấy mọi người đang ăn cơm tại phòng thứ ba khu tập thể tính từ trái sang phải, N tiếp tục tiến về phòng thứ hai của dãy tập thể N quan sát trên bàn làm việc có 01 chiếc điện thoại đang được cắm sạc, lợi dụng không có người N nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại trên, N đi vào phòng dùng tay trái cầm dây sạc điện thoại, tay phải cầm điện thoại rút khỏi dây cắm sạc đồng thời rút chiếc điện thoại vào túi quần bên phải rồi đi ra ngoài, khi đi đến hành lang khu tập thể N gặp anh Vương Văn T cán bộ phòng khám đa khoa xã Đ, N hỏi “ở đây có bán bơm kim tiêm không” anh T trả lời “có”, N hỏi tiếp “ bán cho hai bơm kim tiêm” sau đó T đi lên phòng làm việc để lấy bơm kim tiêm bán cho N với giá 10.000đ (mười nghìn đồng) N đưa cho anh T 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) do tiền thừa nên anh T đi vào phòng làm việc của mình để tìm tiền trả lại tiền thừa cho N và phát hiện bị mất điện thoại anh T nhờ Trịnh Văn Q là cán bộ UBND xã Đ gọi vào số máy điện thoại của mình do nghi ngờ N lấy trộm, N sợ bị phát hiện nên đã đi bộ ra góc nhà khu tập thể giáp đường Quốc lộ 280 vứt điện thoại xuống đường bê tông, anh T phát hiện N vứt điện thoại nên đã yêu cầu N xuống nhặt lên nhưng N bỏ chạy đến đường ngồi lên xe để Q điều khiển đi về huyện N *(trên đường đi N không nói cho Q biết việc trộm cắp chiếc điện thoại bị phát hiện)*.

Q điều khiển xe mô tô, xe máy chở theo N đến địa phận thôn P, xã Đ do trạm kiểm dịch xã Đ kéo cản chắn ngang lòng đường Q và N quay đầu xe lại vào nhà anh Nguyễn Văn A để lẩn trốn thì bị Công an xã Đ truy đuổi bắt quả tang đồng thời đưa về trụ sở UBND xã Đ để làm việc.

Ngày 10/9/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNGJ5 màu vàng - đồng loại điện thoại màn hình cảm ứng trị giá 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, xác minh thấy rằng ngày 12/02/2019 Đàng Văn N bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 27/01/2020 N chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

Tại biên bản xác định hiện trường lập ngày 21/9/2020 Đàng Văn N đã chỉ dẫn đều phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng.

Vật chứng vụ án thu giữ:

- 01 xe mô tô, xe máy nhãn hiệu HONDA WAVES màu xanh - đen - bạc BKS: 22N1 - 01278 xe không có gương chiếu hậu hai bên, mặt nạ bị trầy xước kèm theo chìa khóa xe máy; 01 Đăng ký xe mô tô mang tên Ma Văn C, số 000735 do công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 30/11/2011.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5 màu vàng - đồng loại điện thoại màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

Xử lý vật chứng: Ngày 02/10/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu:

- Bị hại Vương Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5 màu vàng - đồng loại điện thoại màn hình cảm ứng.

- Ông Ma Văn C (là bố đẻ Ma Văn V) 01 chiếc xe mô tô, xe máy nhãn hiệu HONDA WAVES màu xanh- đen - bạc BKS: 22N1 - 01278 xe không có gương chiếu hậu hai bên, mặt nạ bị trầy xước kèm theo chìa khóa xe máy, 01 đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Ma Văn C do công an huyện N cấp ngày 30/11/2011 xác định không liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Vương Văn T sau khi nhận lại tài sản điện thoại còn nguyên vẹn hoạt động bình thường, nên không yêu cầu bị cáo Đàng Văn N bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSBM ngày 29/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, truy tố bị cáo Đàng Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo điểm b, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo, Đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố bị cáo: Đàng Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Đàng Văn N từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 08/9/2020.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự; về vật chứng: Không.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đàng Văn N chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng.

Tại phần tranh luận bị cáo; bị hại đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị, không có tranh luận đối đáp với Kiểm sát viên.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Đức Q, Ma Văn V; người làm chứng Trịnh Văn Q, Nguyễn Văn A nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Đàng Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng, phù hợp với biên bản xác định hiện trường và vật chứng thu giữ được, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ 40 phút tại khu tập thể Phòng khám đa khoa khu vực xã Đ, huyện B, Đàng Văn N đã thực hiện hành vi trộm cắp một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5 của anh Vương Văn T là cán bộ Phòng khám đa khoa xã Đ. Kết luận Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J5 màu vàng - đồng loại điện thoại màn hình cảm ứng là 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), dưới 2.000.000đ theo quy định thì chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có tiền án ngày 12/02/2019 Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục vi phạm. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Trộm cắp tài sản* theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi

cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sơ hở, không cảnh giác của bị hại đã lén lút thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản 01 điện thoại của anh Vương Văn T, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích cá nhân trộm cắp điện thoại để sử dụng. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cũng để có thời gian cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa bản thân mà vẫn tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người khó cải tạo giáo dục để trở thành công dân tốt cho xã hội; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo: Không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là người dân tộc thiểu số. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Từ những căn cứ trên, xét thấy, mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, tiền án phí là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thì bị cáo là người dân tộc thiểu số, lao động tự do, thu nhập không ổn định, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có khả năng thi hành. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Vương Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ma Văn V, sau khi nhận được tài sản không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Tại cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho bị hại đúng theo quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý.

[10] Trong vụ án này có đối tượng liên quan: Đối với Đảng Văn N, ngoài hành vi trộm cắp tài sản có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan Công

an huyện đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Đối với Nguyễn Đức Q là người điều khiển xe mô tô, xe máy trở N bỏ trốn khi N trộm cắp điện thoại. Quá trình điều tra xác định Q không bàn bạc với N về việc trộm cắp điện thoại, cũng không được N nói cho biết vừa thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở để xử lý hình sự đối với Q. Tuy nhiên, Q có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy do vậy cơ quan Công an huyện đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q, là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đảng Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đảng Văn N 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 08/9/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự; về xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đảng Văn N chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS công an huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công